

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**
Mã chứng khoán: **HAP**
Địa chỉ trụ sở chính: **Tầng 3, Tòa nhà Green, Số 7 Lô 28A đường Lê Hồng Phong, phường Gia Viên, thành phố Hải Phòng.**
Điện thoại: **(84 225) 3556 002**
Fax: **(84 225) 3556 008**
Người công bố thông tin: **Vũ Xuân Thịnh – Phó Tổng Giám đốc**

Nội dung thông tin công bố:

Căn cứ quy định về công bố thông tin, Công ty CP Tập đoàn HAPACO xin công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán năm 2025, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO: www.hapaco.vn mục Quan hệ cổ đông vào ngày 30/03/2026.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin



Vũ Xuân Thịnh

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN HAPACO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *A3* /2026/CV-HAP
"V/v giải trình BCTC riêng năm 2025"

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco giải trình nội dung sau:

1. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

Chi tiết chênh lệch Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 với năm 2024: (đơn vị tính : đồng VN)

Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	Chênh lệch	Tỷ lệ thay đổi
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-29.959.874.247	44.942.990.253	74.902.864.500	-250%

Nguyên nhân: Hoạt động chủ yếu của Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco (Công ty mẹ) là hoạt động đầu tư tài chính. Năm 2025, do các công ty con có kết quả sản xuất kinh doanh khởi sắc hơn.

Bên cạnh đó, trong Năm 2024 Công ty có phát sinh Chi phí quản lý và chi phí thuế cao.

Từ các nguyên nhân chủ yếu trên dẫn đến lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của Công ty trong năm 2025 tăng so với năm 2024.

2/ Giải trình số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên

Chi tiết chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN trước và sau kiểm toán: (đơn vị tính : đồng VN)

Nội dung	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ lệ thay đổi
Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.251.875.149	44.942.990.253	35.691.115.104	386%

Báo cáo tài chính đã kiểm toán điều chỉnh tăng lợi nhuận do tại báo cáo trước kiểm toán Công ty chưa ghi nhận khoản lãi từ việc thoái vốn tại bệnh viện Green .

Trên đây là những giải trình của Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco về lợi nhuận sau thuế TNDN của Tập đoàn Hapaco.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP, TCKT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC - PHỤ TRÁCH



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
HAPACO**

Báo cáo tài chính riêng
đã kiểm toán cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

	Trang
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	1
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7 - 8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức: Chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần Hapaco theo Quyết định số 1912/QĐ/UB ngày 28 tháng 10 năm 1999 của UBND thành phố Hải Phòng. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco được đổi tên từ Công ty Cổ phần Hapaco theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200371361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 11 tháng 08 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán HAP.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Vũ Dương Hiến	Chủ tịch	
- Ông Vũ Xuân Thủy	Phó chủ tịch	
- Ông Vũ Xuân Thịnh	Thành viên	
- Ông Vũ Xuân Cường	Thành viên	
- Ông Phạm Công Ngữ	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 31/03/2025
- Ông Nguyễn Đức Hậu	Thành viên	
- Ông Đoàn Đức Luyện	Thành viên độc lập	Bỏ nhiệm ngày 31/03/2025
- Bà Lê Thị Mai Anh	Thành viên độc lập	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Vũ Xuân Thủy	Phó Tổng Giám đốc phụ trách
- Ông Vũ Xuân Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Vũ Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Đức Hậu	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Phạm Đức Phiên	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 31/03/2025
- Bà Khoa Thị Thanh Huyền	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 02/04/2025
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang	Thành viên	
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 31/03/2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là ông Vũ Dương Hiến - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Vũ Xuân Thủy - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Tổng Giám đốc được ông Vũ Dương Hiến ủy quyền ký Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền số 80/2022/GUQ-HAP của Chủ tịch Hội đồng quản trị ngày 20/10/2022.

TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Gia Viên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Về báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng giám đốc chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đính kèm được trình bày từ trang 04 đến trang 27. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng này đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Như được trình bày tại Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng số III.1 của báo cáo tài chính, Công ty là công ty mẹ của các công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã được phát hành riêng lẻ. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần được đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được đề cập để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,




Phó Tổng Giám đốc phụ trách
Vũ Xuân Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

B01-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		559.829.127.757	167.181.422.162
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.635.184.249	1.158.902.853
1. Tiền	111		6.635.184.249	158.902.853
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		458.606.000.000	25.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2.1	10.394.384.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2.1	(1.688.384.000)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.2	449.900.000.000	25.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		94.220.534.158	140.692.722.417
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.2.3	34.136.806.070	33.231.806.070
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3.1	176.671.514.368	208.794.338.407
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(116.587.786.280)	(101.333.422.060)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		367.409.350	329.796.892
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		367.409.350	329.796.892
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		639.090.319.701	1.014.448.352.831
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	-	-
<i>Nguyên giá</i>	222		796.235.000	796.235.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(796.235.000)	(796.235.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.4	639.090.319.701	1.014.448.352.831
1. Đầu tư vào công ty con	251		198.127.461.496	1.028.300.577.586
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		471.896.775.358	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		17.000.000.000	17.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(47.933.917.153)	(30.852.224.755)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.198.919.447.458	1.181.629.774.993

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

B01-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		12.657.512.760	40.310.830.548
I. Nợ ngắn hạn	310		12.657.512.760	40.310.830.548
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.6	1.888.258.688	1.888.258.688
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.7	2.741.151.974	37.116.261.124
3. Phải trả người lao động	314		173.688.000	160.890.170
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		75.000.000	90.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.8	7.752.673.225	1.019.679.693
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		26.740.873	35.740.873
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.186.261.934.698	1.141.318.944.445
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.9	1.186.261.934.698	1.141.318.944.445
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.110.977.720.000	1.110.977.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.110.977.720.000	1.110.977.720.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.895.944.671	29.895.944.671
3. Cổ phiếu quỹ	415		(4.570.790.000)	(4.570.790.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.234.041.664	6.234.041.664
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.725.018.363	(1.217.971.890)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.217.971.890)	28.741.902.357
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		44.942.990.253	(29.959.874.247)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.198.919.447.458	1.181.629.774.993

Người lập biểu



Phạm Đức Phiên

Kế toán trưởng



Phạm Đức Phiên

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2026

Phó Tổng Giám đốc phụ trách



Vũ Xuân Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

B02-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	78.076.306.968	6.878.209.791
7. Chi phí tài chính	22	VI.2	33.518.939.098	(8.311.552.088)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3	15.037.857.667	49.198.234.527
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.519.510.203	(34.008.472.648)
11. Thu nhập khác	31	VI.4	15.423.480.049	20.484.904.436
12. Chi phí khác	32	VI.5	15.025.621.198	16.436.306.035
13. Lợi nhuận khác	40		397.858.851	4.048.598.401
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.917.369.054	(29.959.874.247)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	(15.025.621.198)	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		44.942.990.253	(29.959.874.247)

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc phụ trách



Phạm Đức Phiên

Phạm Đức Phiên

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

B03-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		29.917.369.054	(29.959.874.247)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		-	-
- Các khoản dự phòng	03		34.024.440.618	16.989.804.455
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(78.076.306.968)	(6.878.209.791)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(14.134.497.296)	(19.848.279.583)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		32.687.118.037	123.070.684.566
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(12.618.696.589)	13.184.036.373
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(10.394.384.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.000.000)	(9.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.469.459.848)	116.397.441.356
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(460.000.000.000)	(167.231.806.070)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		34.195.000.000	400.570.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(389.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		423.800.000.000	24.221.712.500
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.950.741.244	14.795.619.362
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.945.741.244	(117.144.474.208)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)

B03-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		5.476.281.396	(747.032.852)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.158.902.853	1.905.935.705
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	6.635.184.249	1.158.902.853

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Phạm Đức Phiên

Kế toán trưởng

Phạm Đức Phiên

Phó Tổng Giám đốc phụ trách



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức: Chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần Hapaco theo Quyết định số 1912/QĐ/UB ngày 28 tháng 10 năm 1999 của UBND thành phố Hải Phòng. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco được đổi tên từ Công ty Cổ phần Hapaco theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200371361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 11 tháng 08 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán HAP.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là được tính theo năm dương lịch, thường không quá 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm, công ty thay đổi chiến lược kinh doanh tập trung đẩy mạnh hóa sản xuất. Do đó, công ty đã thoái một phần vốn tại công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green dẫn đến công ty con này trở thành công ty liên kết của Công ty. Đồng thời trong năm công ty xác định các điều kiện và thủ tục chuyển quyền sử dụng đất tại địa điểm 738 Nguyễn Văn Linh, phường An Biên, thành phố Hải Phòng sang cho Công ty CP Bệnh viện quốc tế Green không được thực hiện theo thỏa thuận góp vốn, do đó công ty ghi giảm lợi thế quyền thuế 74.500.000.000 đồng đã được ghi nhận.

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, ngoài sự kiện nêu trên trong năm không có sự kiện hay hoạt động nào gây ảnh hưởng đáng kể tới Báo cáo tài chính riêng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có 5 công ty con và 1 công ty liên kết chi tiết như sau:

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con					
1	Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng (tiền thân là Công ty TNHH Hapaco Hải Âu)	Số 441A đường Tôn Đức Thắng, phường An Hải, thành phố Hải Phòng.	Sản xuất giấy	99,91%	99,91%
2	Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	Thôn Nước Mát, phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai.	Sản xuất giấy	100,00%	100,00%
3	Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	Km18, quốc lộ 15A, xã Mai Hạ, tỉnh Phú Thọ.	Trồng rừng, sản xuất giấy	100,00%	100,00%
4	Công ty Cổ phần Hải Hà	Cụm Công nghiệp Nam Quang, xã Vĩnh Tuy, tỉnh Tuyên Quang.	Sản xuất giấy	73,07%	73,07%
5	Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco (tiền thân là Công ty TNHH Hapaco H.P.P)	Tổ dân phố Tiên Nông, Phường Hồng An, thành phố Hải Phòng.	Sản xuất giấy	99,89%	99,89%
Công ty liên kết					
6	Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	738 Nguyễn Văn Linh, Phường An Biên, Thành Phố Hải Phòng.	Kinh doanh dịch vụ bệnh viện	49,50%	49,50%

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

6. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 12 người (tại ngày 31/12/2024 là 12 người).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm: Theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 (“Báo cáo tài chính hợp nhất”) theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng của năm tài chính gần nhất.

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (không quá 3 tháng), tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng) được mua để bán lại để tạo lợi nhuận.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Chênh lệch dự phòng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, nếu các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo các quy định khác thì các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và được giảm trừ trực tiếp vào giá trị khoản đầu tư.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tồn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tồn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con là những đơn vị mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết.

Công ty liên kết là tất cả các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở các đơn vị đó.

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con, công ty liên kết sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong năm.

Đầu tư vào các đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi từ khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.
- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu về cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...).

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu, căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ chi phí Công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá tài sản cố định hữu hình đối với từng trường hợp được áp dụng phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 – Tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau khi đưa tài sản cố định vào hoạt động (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán riêng. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản được ghi nhận là khoản lãi hoặc lỗ và trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của công ty.

Tài sản cố định hữu hình được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	03 - 05 năm

5. Nguyên tắc kế toán thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%). Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được trình bày theo giá gốc. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.

- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: Phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...).

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng, bao gồm các khoản: Chi phí kiểm toán.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần tiền nhận được cao hơn mệnh giá của cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng về thuế được ghi giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

b) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án phát hành đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỷ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu mua lại và giá trị thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

c) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng kỳ tài chính (kỳ trước, kỳ này), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư).

d) Nguyên tắc ghi nhận Quỹ đầu tư phát triển

Theo quy định tại Điều lệ Công ty, việc trích và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển như sau:

Tỷ lệ trích lập: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Mục đích sử dụng: Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông.

9. Nguyên tắc kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính.

Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay

Lãi tiền gửi, lãi cho vay: Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia được xác lập. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm. Cổ tức và lợi nhuận được chia nhận được liên quan đến giai đoạn trước ngày mua lại khoản đầu tư được ghi giảm giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính

Được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu khoản đầu tư được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết). Thu nhập này được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn khoản đầu tư.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác. Chi phí tài chính của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

11. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	11.558.360	26.311.615
Tiền gửi ngân hàng	6.623.625.889	132.591.238
Cộng	6.635.184.249	158.902.853
Các khoản tương đương tiền (*)	-	1.000.000.000
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	6.635.184.249	1.158.902.853

(*) Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - PGD Lạc Viên, kỳ hạn 03 ngày với mức lãi suất 0,1%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

2.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	10.394.384.000	(1.688.384.000)	8.706.000.000	-	-	-
Cổ phiếu DBC [1]	3.816.312.500	(570.312.500)	3.246.000.000	-	-	-
Cổ phiếu DGW [2]	4.542.037.500	(642.037.500)	3.900.000.000	-	-	-
Cổ phiếu MBS [3]	2.036.034.000	(476.034.000)	1.560.000.000	-	-	-
Trái Phiếu	-	-	-	-	-	-
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	-
Cộng	10.394.384.000	(1.688.384.000)	8.706.000.000	-	-	-

[1]: Cổ phiếu DBC của Công ty cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam, số lượng nắm giữ tại ngày 31/12/2025 và 31/12/2024 lần lượt là 120.000 cổ phần và 0 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

[2]: Cổ phiếu DGW của Công ty cổ phần Thế Giới Số, số lượng nắm giữ tại ngày 31/12/2025 và 31/12/2024 lần lượt là 100.000 cổ phần và 0 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

[3]: Cổ phiếu MBS của Công ty cổ phần Chứng khoán MB, số lượng nắm giữ tại ngày 31/12/2025 và 31/12/2024 lần lượt là 60.000 cổ phần và 0 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Ngắn hạn	449.900.000.000	-	449.900.000.000	25.000.000.000	-	25.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	449.900.000.000	-	449.900.000.000	25.000.000.000	-	25.000.000.000
Dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	449.900.000.000	-	449.900.000.000	25.000.000.000	-	25.000.000.000

(*): Tiền gửi có kỳ hạn là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng TMCP có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 5,3%/năm đến 6,3%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

2.3 Phải thu về cho vay ngắn hạn

Tên đơn vị	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Phải thu bên liên quan	34.136.806.070	(25.000.000.000)	9.136.806.070	33.231.806.070	(25.000.000.000)	8.231.806.070
Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc [1]	1.900.000.000	-	1.900.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Công ty TNHH KDTM và XNK Hapaco HN [2]	25.000.000.000	(25.000.000.000)		25.000.000.000	(25.000.000.000)	-
Công ty CP bệnh viện quốc tế Green [3]	7.236.806.070	-	7.236.806.070	6.231.806.070	-	6.231.806.070
Phải thu bên thứ ba	-	-	-	-	-	-
Cộng	34.136.806.070	(25.000.000.000)	9.136.806.070	33.231.806.070	(25.000.000.000)	8.231.806.070

[1]: Khoản cho vay tín chấp Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc theo Hợp đồng vay số 25/09/HAP-ĐB ngày 25 tháng 09 năm 2024 số tiền 2.000.000.000 đồng để sửa chữa mái nhà xưởng số 2, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 6%/năm. Phụ lục hợp đồng số 02/2025/PLHD-HAP ngày 25 tháng 9 năm 2025 về việc gia hạn hợp đồng đến ngày 25 tháng 05 năm 2026.

[2]: Khoản vay theo thỏa thuận cấp vốn giữa Công ty TNHH KDTM và XNK Hapaco HN và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco. Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đã trích lập 100% giá trị khoản cho vay.

[3]: Khoản cho vay Công ty Cổ phần bệnh viện quốc tế Green gồm:

- Hợp đồng vay số 17/09/HAP-ĐB ngày 17 tháng 09 năm 2024 với mục đích vay trả tiền thuê đất, thời hạn vay 13 tháng, lãi suất 2%/năm. Số dư cho vay tại ngày 31/12/2025 là 4.236.806.070 đồng. Phụ lục hợp đồng số 01/2025/PLHD-HAP ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc gia hạn hợp đồng đến ngày 31 tháng 12 năm 2026.

- Hợp đồng vay số 5/2025/HD-GREEN ngày 05 tháng 12 năm 2025 với số tiền cho vay 3.000.000.000 đồng thời hạn vay 58 ngày từ ngày ký hợp đồng đến 31/01/2026, lãi suất 7%/năm. Số dư cho vay tại ngày 31/12/2025 là 3.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

2.4 Đầu tư tài chính dài hạn

Tên đơn vị	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	198.127.461.496	(30.933.917.153)	-	1.028.300.577.586	(13.852.224.755)	-
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng	41.628.175.931	-	(**)	41.628.175.931	-	(**)
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	12.891.166.000	-	(**)	12.891.166.000	-	(**)
Công ty Cổ phần Hải Hà	9.500.000.000	(5.372.894.989)	(**)	9.500.000.000	(80.104.645)	(**)
Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	7.238.119.565	-	(**)	7.238.119.565	(195.382.386)	(**)
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	126.870.000.000	(25.561.022.164)	(**)	126.870.000.000	(13.576.737.724)	(**)
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green (*)	-	-	-	830.173.116.090	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	471.896.775.358	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green (*)	471.896.775.358	-	(**)	-	-	(**)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.000.000.000	(17.000.000.000)	-	17.000.000.000	(17.000.000.000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hafinco	15.000.000.000	(15.000.000.000)	(**)	15.000.000.000	(15.000.000.000)	(**)
Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa	2.000.000.000	(2.000.000.000)	(**)	2.000.000.000	(2.000.000.000)	(**)
Cộng	687.024.236.854	(47.933.917.153)	-	1.045.300.577.586	(30.852.224.755)	-

(*) Do thay đổi chiến lược kinh doanh, ngày 30/09/2025, công ty thoái vốn tại Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green và mất quyền kiểm soát.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý do các khoản đầu tư này chưa niêm yết trên thị trường, Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Thông tin chi tiết của các công ty con, bao gồm ngành nghề kinh doanh, tỷ lệ quyền biểu quyết, tỷ lệ lợi ích được trình bày tại thuyết minh số I.5 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng này.

Các giao dịch với giữa Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết được trình bày tại thuyết minh số VII.2 - Giao dịch với các bên liên quan của Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. Phải thu khác

3.1 Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khác các bên liên quan	129.887.224.342	145.125.359.133
Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	578.734.247	912.219.178
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	-	3.480.000.000
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	12.754.873.668	11.860.114.039
Công ty Cổ phần Hải Hà	1.639.922.000	1.119.922.000
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	5.234.733.821	298.753.821
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng	1.714.003.286	2.194.003.286
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	6.344.775.306	83.303.999.597
Công ty TNHH KDTM và XNK Hapaco Hà Nội	663.017.782	663.017.782
Ủy quyền gửi tiền tiết kiệm ông Vũ Dương Hiền	9.289.456.000	9.000.000.000
Khoản thu khác của ban điều hành	59.474.378.802	-
Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	32.150.675.830	32.150.675.830
Công ty TNHH XKLD và Dịch vụ du lịch Hapaco	42.653.600	142.653.600
Phải thu các đối tượng khác	46.784.290.026	63.668.979.274
Tạm ứng	10.000.000	10.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Anh - Ủy thác đầu tư chứng khoán	28.150.000.000	45.450.000.000
Ông Bùi Doãn Nhân, ông Nguyễn Tuấn Anh - tiền tạm ứng thực hiện các dự án	8.397.819.000	8.397.819.000
Hoàng Văn Vịnh	9.471.400.000	9.471.400.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	755.071.026	339.760.274
Cộng	176.671.514.368	208.794.338.407

3.2 Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi

Trong năm, biến động của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	67.272.585.278	74.606.980.837
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	15.254.364.220	4.555.209.091
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(11.889.604.650)
Số dư cuối năm	82.526.949.498	67.272.585.278

4. Nợ xấu

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán, hoặc không quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	32.150.675.830	-	32.150.675.830	-
Hoàng Văn Vịnh	9.471.400.000	-	9.471.400.000	-
Công ty TNHH KDTM và XNK Hapaco Hà Nội	25.663.017.782	-	25.663.017.782	-
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	12.754.873.668	-	11.860.114.039	-
Nguyễn Tuấn Anh - Ủy thác đầu tư	28.150.000.000	-	45.450.000.000	31.659.604.591
Ông Bùi Doãn Nhân, ông Nguyễn Tuấn Anh - tiền tạm ứng thực hiện các dự án	8.397.819.000	-	8.397.819.000	-
Cộng	116.587.786.280	-	132.993.026.651	31.659.604.591

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	490.904.545	200.000.000	105.330.455	796.235.000
Số cuối năm	<u>490.904.545</u>	<u>200.000.000</u>	<u>105.330.455</u>	<u>796.235.000</u>
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	490.904.545	200.000.000	105.330.455	796.235.000
Khấu hao trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>490.904.545</u>	<u>200.000.000</u>	<u>105.330.455</u>	<u>796.235.000</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 796.235.000 VND (tại ngày 31/12/2024 là 796.235.000 VND).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 0 VND (tại ngày 31/12/2024 là 0 VND).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 0 VND (tại ngày 31/12/2024 là 0 VND).

6. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	1.294.044.600	1.294.044.600	1.294.044.600	1.294.044.600
Các nhà cung cấp khác	594.214.088	594.214.088	594.214.088	594.214.088
Cộng	<u>1.888.258.688</u>	<u>1.888.258.688</u>	<u>1.888.258.688</u>	<u>1.888.258.688</u>

7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	20.654.065.086	(18.946.906.100)	-	1.707.158.986
Thuế thu nhập cá nhân	30.900.000	342.233.197	346.956.197	26.177.000
Thuế khác	16.431.296.038	(15.420.480.049)	3.000.000	1.007.815.989
Cộng	<u>37.116.261.124</u>	<u>(34.025.152.953)</u>	<u>349.956.197</u>	<u>2.741.151.974</u>

(*): Khoản thuế giảm do điều chỉnh giảm thu nhập từ lợi thế quyền thuế đất như trình bày tại Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng số 1.4

8. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	3.520.000.000	-
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	2.520.000.000	-
Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	1.000.000.000	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	4.232.673.225	1.019.679.693
Kinh phí công đoàn	40.458.630	26.204.520
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	45.443.680
Cổ tức phải trả cổ đông	36.681.270	36.681.270
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.155.533.325	911.350.223
Cộng	<u>7.752.673.225</u>	<u>1.019.679.693</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-DN

9. Vốn chủ sở hữu

9.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	1.110.977.720.000	29.895.944.671	(4.570.790.000)	6.234.041.664	28.741.902.357	1.171.278.818.692
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	(29.959.874.247)	(29.959.874.247)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	1.110.977.720.000	29.895.944.671	(4.570.790.000)	6.234.041.664	(1.217.971.890)	1.141.318.944.445
Số dư đầu năm nay	1.110.977.720.000	29.895.944.671	(4.570.790.000)	6.234.041.664	(1.217.971.890)	1.141.318.944.445
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	44.942.990.253	44.942.990.253
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.110.977.720.000	29.895.944.671	(4.570.790.000)	6.234.041.664	43.725.018.363	1.186.261.934.698

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

9.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Vũ Dương Hiền	248.337.440.000	143.683.340.000
Các cổ đông khác	862.640.280.000	967.294.380.000
Cộng	<u>1.110.977.720.000</u>	<u>1.110.977.720.000</u>

9.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.110.977.720.000	1.110.977.720.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	<u>1.110.977.720.000</u>	<u>1.110.977.720.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

9.4 Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	111.097.772	111.097.772
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	111.097.772	111.097.772
- Cổ phiếu phổ thông	111.097.772	111.097.772
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.470	155.470
- Cổ phiếu phổ thông	155.470	155.470
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.942.302	110.942.302
- Cổ phiếu phổ thông	110.942.302	110.942.302
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.552.647.700	4.987.080.271
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.000.000.000	1.293.668.543
Lãi từ bán khoản đầu tư dài hạn	65.523.659.268	-
Cộng	<u>78.076.306.968</u>	<u>6.878.209.791</u>

2. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	389.258.109	-
Chi phí tài chính khác	-	55.053.356
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	33.129.680.989	(8.366.605.444)
Cộng	<u>33.518.939.098</u>	<u>(8.311.552.088)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.358.058.379	3.333.950.039
Chi phí nguyên vật liệu, CCDC	-	25.165.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	894.759.629	25.356.409.899
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.082.039.659	19.704.545.505
Chi phí bằng tiền khác	700.000.000	775.164.084
Cộng	15.037.857.667	49.198.234.527

4. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần	-	20.282.334.436
Hoàn nhập lãi chậm nộp	15.423.480.049	-
Hạch toán điều chỉnh cộng nợ khách hàng	-	-
Các khoản khác	-	202.570.000
Cộng	15.423.480.049	20.484.904.436

5. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi chậm nộp thuế	-	16.431.296.038
Lỗ do ghi giảm lợi thế quyền thuê đất 738 Nguyễn Văn Linh	15.025.621.198	-
Các khoản khác	-	5.009.997
Cộng	15.025.621.199	16.436.306.035

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	3.358.058.379	3.333.950.039
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	25.165.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-
Chi phí dự phòng	894.759.629	25.356.409.899
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.082.039.659	19.704.545.505
Chi phí khác bằng tiền	703.000.000	778.164.084
Cộng	15.037.857.667	49.198.234.527

7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(15.025.621.198)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	(15.025.621.198)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	29.917.369.054	(29.959.874.247)
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	(25.251.704.539)	15.312.737.492
Các khoản điều chỉnh tăng	171.775.510	16.606.406.035
Chi phí phạt	-	16.436.306.035,00
Thu nhập của thành viên không chuyên trách	171.775.510	170.100.000
Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	25.423.480.049	1.293.668.543
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	10.000.000.000	1.293.668.543
Thu nhập khác là tiền phạt không được trừ kỳ trước	15.423.480.049	-
Chi phí liên quan đến DT chưa thực hiện tính vào TNCT	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	4.665.664.515	(14.647.136.755)
Lỗ năm trước chuyển sang	(4.665.664.515)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	-	-
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành	-	-
Điều chỉnh giảm do giảm lợi thế quyền thuế	(15.025.621.198)	-
Thuế TNDN phải nộp	(15.025.621.198)	-

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Phó Tổng Giám đốc phụ trách, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

2.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	1.663.341.510	1.585.129.580
Ông Vũ Dương Hiến	467.783.000	447.181.000
Ông Vũ Xuân Thủy	340.818.000	330.924.000
Ông Vũ Xuân Cường	315.912.000	311.530.000
Ông Vũ Xuân Thịnh	291.453.000	284.338.000
Ông Nguyễn Đức Hậu	75.600.000	56.700.000
Ông Phạm Công Ngừ (Miễn nhiệm ngày 31/03/2025)	58.375.510	97.756.580
Ông Đoàn Đức Luyện	75.600.000	56.700.000
Bà Lê Thị Mai Anh (Bỏ nhiệm từ ngày 31/03/2025)	37.800.000	-
Ban kiểm soát	584.036.000	542.487.600
Ông Phạm Đức Phiên (Miễn nhiệm ngày 31/03/2025)	37.800.000	56.700.000
Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang	253.543.000	241.795.200
Bà Khoa Thị Thanh Huyền	262.993.000	243.992.400
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo (Bỏ nhiệm từ ngày 31/03/2025)	29.700.000	-
Kế toán trưởng	230.527.000	139.459.000
Ông Phạm Đức Phiên - Kế toán trưởng (Bỏ nhiệm từ 03/04/2025)	167.743.000	-
Bà Cao Thị Thủy Lan - Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ 17/03/2025)	62.784.000	139.459.000
Thu nhập thành viên Ban lãnh đạo	2.477.904.510	2.267.076.180
Các giao dịch khác:	Năm nay	Năm trước
Thành viên Ban lãnh đạo		
- Ủy quyền gửi tiền tiết kiệm	12.533.985.000	6.000.000.000
- Thu lại tiền ủy quyền gửi tiết kiệm	12.533.985.000	125.900.000.000
- Nhận lãi tiền gửi tiết kiệm ủy quyền	129.928.767	4.368.141.799
- Khoản phải thu khác	59.474.378.802	-
- Dự thu lãi tiền gửi tiết kiệm ủy quyền	235.719.656	-

2.2 Các bên liên quan khác

Danh sách các bên liên quan khác trong năm với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng	Công ty con
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	Công ty con
Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Hải Hà	Công ty con
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	Công ty con
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Quốc tế Green	Công ty liên kết
Công ty cổ phần bệnh viện đa khoa Quốc tế Green - Hải Dương	Ông Vũ Dương Hiến là chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Hafinco	Ông Vũ Dương Hiến là chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa	Ông Vũ Dương Hiến là chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	Ông Vũ Dương Hiến là Chủ tịch HĐQT Công ty
Công ty TNHH KDTM và XNK Hapaco Hà Nội	Ông Vũ Dương Hiến là Giám đốc Công ty
Công ty Cổ phần Bao bì Ông giấy Hải Dương	Ông Vũ Xuân Anh đại diện pháp luật của công ty là con của ông Vũ Xuân Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bên liên quan	Mối quan hệ	
Công ty TNHH XKLD và Dịch vụ du lịch Hapaco	Ông Vũ Dương Hiền là Giám đốc Công ty	
Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	Ông Nguyễn Đức Hậu là đại diện pháp luật của Công ty	
Giao dịch với các bên liên quan này trong năm như sau:		
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng		
Thu tiền chi hộ	480.000.000	-
Thu tiền cổ tức	-	1.293.668.543
Trả hộ tiền phạt thuế	-	2.194.003.286
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn		
Phải thu cổ tức lợi nhuận được chia	10.000.000.000	-
Thu tiền cổ tức	10.000.000.000	2.400.000.000
Chuyển tiền về Công ty mẹ	2.520.000.000	-
Góp vốn bổ sung	-	-
Công ty cổ phần Hải Hà		
Góp vốn bổ sung	-	1.500.000.000
Công ty mẹ chuyển tiền hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh	1.000.000.000	-
Thu tiền cổ tức	480.000.000	480.000.000
Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc		
Trả tiền vay	100.000.000	-
Cho vay	-	2.000.000.000
Lãi cho vay	114.690.412	32.219.178
Thanh toán lãi vay	118.175.343	-
Chuyển tiền về Công ty mẹ	1.000.000.000	360.000.000
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco		
Chuyển tiền thực hiện dự án giấy issued	25.935.980.000	-
Chuyển tiền về Công ty mẹ	21.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green		
Trả gốc vay	8.995.000.000	-
Xóa nợ phải trả	-	50.700.000
Cho vay	10.000.000.000	13.231.806.070
Nhận tiền từ khoản cho vay	-	7.000.000.000
Lãi cho vay	190.080.635	52.195.696
Thanh toán lãi vay	-	-
Thanh toán công nợ	2.649.304.926	11.530.000.000
Công ty TNHH Vida Hải Phòng		
Phải thu tiền chi hộ	894.759.629	2.774.239.039
Công ty TNHH Xuất khẩu lao động và Dịch vụ du lịch Hapaco		
Chi hộ	400.000.000	-
Thu tiền chi hộ	500.000.000	-
Thu tiền du lịch	-	2.883.000

2.3 Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.2.3; V3; V.8.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-DN

3. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Người lập biểu

Phạm Đức Phiên

Kế toán trưởng

Phạm Đức Phiên

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2026
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

